

Số: 130/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hạ Long

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hạ Long, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;


Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 19/6/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hạ Long của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện hoạt động đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 41 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 82%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hạ Long thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình giáo dục, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hạ Long theo quy định hiện hành. 

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



Trần Đình Quang



PHỤ LỤC I

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hạ Long

(Kèm theo Nghị quyết số 130/NQ-HĐKĐCLV ngày 19 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn							
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)					
Tiêu chuẩn 1	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7	4.20	4.20	5	100					
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	5								
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4								
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4											
Tiêu chuẩn 2	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4				Tiêu chuẩn 8	4.40	4.40	5	100
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4	Tiêu chí 8.1	5						
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.3	4									
Tiêu chuẩn 3	3.67	Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 8.4	4									
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chuẩn 4	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chuẩn 9	4.00	4.00	5	100	
Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 4.1	4	Tiêu chí 9.1	4									
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 4.2	4	Tiêu chí 9.2	4									
Tiêu chuẩn 4	3.67	3.67	2	66,67	Tiêu chí 9.3	4	Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4				80
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 5.1	4	Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 5.2	4	Tiêu chuẩn 10	3.67			3.67	4	66,67	
Tiêu chí 4.3	3	Tiêu chí 5.3	3	Tiêu chí 10.1	3									
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80	Tiêu chí 10.2	4	Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 10.4	4								
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 10.5	4								
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.6	3	Tiêu chuẩn 11	3.80	3.80	4	80			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 11.1	4								
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 11.2	5											
Tiêu chuẩn 6	3.86	3.86	6	85,71	Tiêu chí 11.3	4								
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 11.4	2								
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 11.5	4								
Tiêu chí 6.3	4				Mức trung bình	3.88	Số tiêu chí đạt	41	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	82				
Tiêu chí 6.4	4				Mức trung bình	3.88	Số tiêu chí đạt	41	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	82				
Tiêu chí 6.5	4				Số tiêu chí đạt	41	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	82						
Tiêu chí 6.6	4				Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	82								
Tiêu chí 6.7	3													

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

PHỤ LỤC II

Các kiến nghị cải tiến chất lượng đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hạ Long

(Kèm theo Nghị quyết số: 130/NQ-HĐKĐCLV ngày 19 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Hạ Long, giai đoạn 2016 – 2021, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT đã hướng tới đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường; chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng và ban hành chính thức, được rà soát, điều chỉnh, có tham khảo ý kiến một số bên liên quan và đã tham chiếu Khung trình độ quốc gia Việt Nam và về cơ bản, đã phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động và người học; chương trình dạy học có cấu trúc phù hợp, tỉ trọng giữa các khối kiến thức được phân bổ hợp lý, có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; đã xây dựng tổ hợp các phương pháp dạy-học đa dạng, phù hợp với từng nội dung giảng dạy để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng; các hoạt động kiểm tra đánh giá được thiết kế trong CTĐT phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần cũng như chuẩn đầu ra của CTĐT; công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nhân viên đã được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường rõ ràng, đúng các quy định hiện hành, được cập nhật hàng năm với đầy đủ các thông tin; đã thực hiện việc phân tích, đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên; việc giám sát các loại hình và số lượng các các hoạt động nghiên cứu của người học được thực hiện theo Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Cần chuyển tải đầy đủ mục tiêu giáo dục đại học của Luật Giáo dục đại học vào mục tiêu của CTĐT và thể hiện rõ nét hơn đóng góp của CTĐT vào việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn của Trường; cần tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đồng thời thể hiện cụ thể các năng lực, kỹ năng, thái độ, phẩm chất phù hợp mà người học cần đạt được và có thể đo lường được tại thời điểm tốt nghiệp; cần tăng cường khảo sát các chuyên gia giáo dục, các nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên để nắm bắt đầy đủ hơn các yêu cầu đối với CTĐT; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phổ biến chuẩn đầu ra tới các bên liên quan trong và ngoài trường.

VÀ Đ
G T
I Đ
L
O D
ĐẠI H

(ii) Cần rà soát và ban hành lại mẫu Bản mô tả CTĐT làm cơ sở để các khoa rà soát, cập nhật lại Bản mô tả CTĐT năm 2020; bản mô tả CTĐT của Nhà trường cần bổ sung một số nội dung còn thiếu như đối sánh, tham chiếu nội bộ và bên ngoài để làm rõ hơn về CTĐT, mục đích và hướng dẫn sử dụng bản mô tả CTĐT; cần rà soát một cách có hệ thống đề cương chi tiết học phần ban hành năm 2020, lưu ý tập trung đến các nội dung: điều chỉnh lại mục tiêu học phần bao gồm về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng vào công việc sau này đảm nhận; thực hiện rà soát lại hình thức đánh giá đảm bảo bao phủ đánh giá được các chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra, nên bổ sung thêm các hình thức đánh giá quá trình, rà soát trọng số điểm của các hình thức đánh giá để đảm bảo phù hợp; bổ sung rubric vào đề cương chi tiết học phần để đánh giá đảm bảo chính xác, để thực hiện.

(iii) Nội dung chi tiết và hoạt động dạy học trong đề cương chi tiết học phần cần được cấu trúc lại, bổ sung thêm cột phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng với các chương mục của học phần để thể hiện một cách logic và khoa học sự tương thích giữa hoạt động dạy học, với phương pháp kiểm tra đánh giá trong việc góp phần đạt được chuẩn đầu ra; khi rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học, Khoa cần nghiên cứu, xây dựng các tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo các phương pháp đó phù hợp và góp phần đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, từ đó điều chỉnh bổ sung nội dung và phương pháp của học phần, để các học phần có mức độ đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp, đảm bảo tất cả các chuẩn đầu ra đều được thực hiện đầy đủ.

(iv) Cần đa dạng hóa hơn nữa các hình thức công bố Triết lý giáo dục của Trường đến các bên liên quan để mọi đối tượng liên quan đều có thể dễ dàng tiếp cận một cách thuận lợi nhất; nên khuyến khích giảng viên tăng cường sử dụng các phương pháp/hình thức tổ chức dạy học hiện đại như lớp học đảo ngược (flipped classroom), thiết kế tư duy (design thinking), dạy học dựa vào dự án, game hoá (gamification), ... để tăng cường động lực học tập đồng thời phát triển các năng lực tư duy cho người học, hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; cần tổ chức đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả từng phương pháp giảng dạy để cải tiến chất lượng, đồng thời khai thác đầy đủ hơn hệ thống LMS; cần xem xét việc đưa các kỹ năng cần thiết cho việc học tập suốt đời tích hợp vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT để việc tổ chức các hoạt động phát triển các kỹ năng đó được bài bản, hệ thống hơn; có các quy định rõ ràng cụ thể về các nội dung tự học có kiểm soát, hướng dẫn trong các đề cương học phần.

(v) Cần ban hành hướng dẫn về việc thiết kế các câu hỏi thi và công cụ kiểm tra đánh giá thích hợp để đánh giá mức độ đạt được mỗi chuẩn đầu ra của CTĐT, nhất là phương thức đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ

năng mềm; cần xây dựng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được chuẩn hóa để đảm bảo các đề thi đo lường được chính xác mức độ sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, xây dựng Rubric đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với các hình thức đánh giá khác nhau; cần xây dựng kế hoạch định kỳ thực hiện rà soát tổng thể và đánh giá về độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp nhằm xác định được độ giá trị, độ tin cậy của các câu hỏi thi/đề thi và sự chính xác trong việc đo lường mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

(vi) Cần rà soát Chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030; cần quy hoạch chỉ tiêu phát triển đội ngũ giảng viên theo từng nhóm ngành/ngành đào tạo làm căn cứ để các khoa xây dựng Chiến lược/Kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự các giai đoạn dài hạn, trung hạn, ngắn hạn và đề án vị trí việc làm của Khoa; cần tiếp tục tuyển dụng giảng viên đồng thời có chính sách hỗ trợ mạnh hơn để thúc đẩy các giảng viên đi học trình độ tiến sĩ để bổ sung đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao cho ngành Ngôn ngữ Anh; cần nâng cao hiệu quả giám sát chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học của giảng viên trong toàn trường và có giải pháp để giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học đảm bảo định mức theo quy định; khoa Ngoại ngữ và bộ môn Ngôn ngữ Anh cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, lựa chọn các đối tác hợp tác để đồng thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu; Nhà trường cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy giảng viên của Khoa tham gia thực hiện các đề tài, dự án các cấp đặc biệt là cấp Bộ/Tỉnh, Nhà nước; hỗ trợ tương xứng cho các giảng viên công bố sản phẩm khoa học trên tạp chí trong nước quốc tế có uy tín.

(vii) Cần tiếp tục đánh giá, rà soát vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên, trên cơ sở đó hướng dẫn nhân viên/đơn vị bổ sung Bản mô tả công việc đầy đủ và phù hợp với thực tiễn hoạt động của đơn vị trong giai đoạn mới; cần ban hành quy định, hướng dẫn và định kỳ tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan (bên trong) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; cần tăng cường khảo sát/phân tích nhu cầu tuyển dụng, điều chuyển nhân viên; cần sử dụng KPIs để đánh giá nhân viên khi bổ nhiệm và luân chuyển; cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng riêng cho đội ngũ nhân viên, chú trọng bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ gắn với vị trí việc làm hoặc trực tiếp hỗ trợ cho các CTĐT.

(viii) Cần đa dạng hoá đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các bên liên quan để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản; cần có giải pháp để nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm, nâng cao chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, đẩy mạnh đầu tư hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên; đề xuất và tham mưu với Tỉnh

ủy, ủy ban nhân dân Tỉnh để có những chính sách trong việc đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho các sinh viên vùng sâu vùng xa; nâng cao hiệu quả quảng cáo, truyền bá về các ngành nghề đào tạo về hình ảnh nhà trường và mở rộng quan hệ với các trường đại học trong nước thông qua các hoạt động trao đổi sinh viên, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hội thảo; tăng cường công tác truyền thông tuyển sinh thông qua cựu sinh viên; hằng năm cần thực hiện các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của sinh viên để gia đình phối hợp cùng nhà trường cùng theo dõi sinh viên.

(ix) Cần triển khai có hệ thống việc khảo sát các bên liên quan về cơ sở vật chất, mức độ đáp ứng của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin như sử dụng thang đo Likert trong xây dựng nội dung câu hỏi khảo sát, mở rộng số lượng và phạm vi đối tượng khảo sát để thu được số liệu có độ tin cậy cao, qua đó xây dựng báo cáo tổng hợp, phân tích để cung cấp được nhiều khuyến nghị có giá trị; bổ sung kinh phí hỗ trợ xuất bản sách và thêm tài liệu trong thư viện, đặc biệt là nguồn tài liệu số; tiếp tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, cải thiện phòng thực hành máy tính, sửa chữa hoặc thanh lý tài sản đã hỏng, kém chất lượng; cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tăng tốc độ đường truyền tại giảng đường và kí túc xá; cần có giải pháp sử dụng hoặc nâng cấp hệ thống cung cấp nước sinh hoạt trong kí túc xá.

(x) Cần rà soát, đánh giá và cải tiến cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: tổ chức lại hệ thống thu thập thông tin phản hồi, xây dựng lại bộ công cụ khảo sát khoa học hơn, đồng bộ hoá và có cơ chế giám sát việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các Phòng/Khoa...; cần định kì thu thập đầy đủ ý kiến các bên liên quan về các nội dung từ hoạt động đào tạo đến cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ,... bao gồm cả nhu cầu nhân lực, làm cơ sở thiết kế chuẩn đầu ra, chương trình dạy học và cải tiến chất lượng; cần rà soát lại quy định/ quy trình xây dựng, cập nhật chỉnh sửa CTĐT; hướng dẫn cụ thể, chi tiết các bước từ xây dựng chuẩn đầu ra CTĐT, chuẩn đầu ra học phần, xây dựng đề cương chi tiết đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra học phần; xây dựng quy định, hướng dẫn cho cán bộ, giảng viên về nguyên tắc phát triển CTĐT, lựa chọn các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá người học theo chuẩn đầu ra; rà soát các công cụ đo lường đánh giá chuẩn đầu ra học phần; xây dựng và ban hành quy trình đánh giá đề thi; xây dựng và ban hành quy định/ hướng dẫn cụ thể về việc triển khai, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dạy học; tổ chức đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào cải tiến phương pháp dạy học.

(xi) Cần có giải pháp để giảm tỷ lệ sinh viên chưa tốt nghiệp của các khóa; thống kê đầy đủ thời điểm sinh viên bỏ học để xác định chính xác nguyên nhân thôi học bỏ học để có những giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả; cần phân tích xu hướng thôi

học, bỏ học và kéo dài thời gian học tập khi gia tăng số lượng sinh viên nhập học; cần chú trọng các số liệu đối sánh, phân tích đánh giá về nguyên nhân sự khác biệt và các giải pháp khắc phục; cần tăng cường kết nối với cựu sinh viên để tăng tỷ lệ khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp; đổi mới nội dung khảo sát việc làm để tăng lượng thông tin hữu ích hỗ trợ cho việc đổi mới CTĐT; chú trọng trang bị các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, đặc biệt là một tỷ trọng lớn sinh viên làm việc trong khu vực tư nhân; có giải pháp hiệu quả để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các lĩnh vực phù hợp với ngành nghề đào tạo và tự tạo việc làm; cần có chính sách, giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên về số lượng, cũng như đa dạng các loại hình nghiên cứu khoa học, đồng thời đạt được chỉ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học ngành Ngôn ngữ Anh đạt mức 3% tổng thu học phí theo quy định tại Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 12/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh.





